

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ				
01	1. Tiền thu từ các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu		842.512.642.784	886.621.953.395
02	2. Tiền chi các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu		(441.445.504.389)	(799.872.352.551)
03	3. Tiền chi trả người lao động		(12.187.451.340)	(10.756.421.715)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(12.650.612.572)	(14.392.168.318)
05	5. Thuế TNDN đã nộp		(1.595.710.472)	(2.375.726.940)
06	6. Tiền thu khác		6.523.600.999	81.104.731.994
07	7. Tiền chi khác		(11.142.775.310)	(4.577.493.241)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động nghiệp vụ		370.014.189.700	135.752.522.624
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(69.300.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(219.000.000.000)	(582.500.000.000)
24	3. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		212.600.000.000	599.900.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(217.170.360.000)	-
27	5. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia		38.860.606.334	27.767.777.526
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(184.709.753.666)	45.098.477.526
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(39.787.016.802)	(51.496.244.802)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(39.787.016.802)	(51.496.244.802)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		145.517.419.232	129.354.755.348
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		413.699.725.622	284.344.970.274
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	559.217.144.854	413.699.725.622

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật





Đỗ Minh Đức

Nguyễn Hùng

Nguyễn Ngọc Huân